TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:83/2022/DS-ST
Ngày:02-8-2022
V/ v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO -TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Kiệt**

2/ Bà **Bùi Thị Thu Nhi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đỗ Ngọc Yến Oanh** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho*** *tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/QĐ-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Hoàng S sinh năm 1985.

Địa chỉ: số 298 đường Ấp Bắc, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp chị Lê Thụy Cẩm T sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp Bình Thọ Thượng, xã Bình Phan, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại chỉ liên hệ: số 79 ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Bà Lê Thị Thu T sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 58/1 khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Ông Nguyễn Tấn Q sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 58/1 khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Chị T có mặt; ông Q, bà T1 vắng mặt;)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 của anh Nguyễn Hoàng S, và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thụy Cẩm T trình bày: anh Nguyễn Hoàng S có cho ông Nguyễn Tấn Q vay mượn số tiền 685.000.000 đồng, mục đích để làm ăn kinh doanh, việc vay mượn có lập thành hợp đồng mượn tiền vào ngày 01/4/2021 với số tiền 500.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 01/5/2021 anh S mới giao cho ông Q số tiền 500.000.000 đồng, đến ngày 01/10/2021 ông Q tiếp tục mượn thêm số tiền 185.000.000 đồng và được ghi bổ sung vào biên nhận ngày 01/5/2021. Thỏa thuận mức lãi suất 2%/ tháng và trả lãi 01 lần vào ngày trả vốn. Khi đến hạn trả nợ, ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà cố tình né tránh anh S, phía anh S đã liên hệ trược tiếp để yêu cầu trả nợ, tuy nhiên chỉ có bà Lê Thị Thu T1 là vợ ông Q thống nhất nợ và hứa hẹn việc trả nợ cho anh S. Tuy nhiên, sau khi ông Q và bà T1 tiến hành xong các thủ tục tặng cho tài sản của ông Q cho bà T1 để nhằm tẩu tán tài sản của ông Q thì bà T1 cũng né tranh việc trả nợ vì cho rằng bà không liên quan đến các khoản nợ của ông Q. Nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên anh S khởi kiện, yêu cầu ông Q và bà T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh S số tiền 685.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/ tháng tính từ 01/4/2021 đến khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 1.66%/ tháng tính từ ngày 01/10/2021 đến khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền 185.000.000 đồng, tạm tính với số tiền lãi là 109.726.000 đồng.

** Bị đơn bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Tấn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1, ông Q không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên Tòa, chị Lê Thụy Cẩm T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q và bà Lê Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hoàng S số tiền vốn gốc là 685.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/ tháng cụ thể thể như sau:

Đối với số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi suất với mức lãi suất 1.66%/ tháng tính từ ngày 02/5/2021 đến ngày 02/8/2022, là 15 tháng với số tiền là : 500.000.000 x1.66%/ tháng x 15 tháng =124.500.000 đồng.

Đối với số tiền 185.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi suất với mức lãi suất 1.66%/ tháng tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày 02/8/2022, làm tròn là 10 tháng với số tiền là : 185.000.000 x 1.66%/ tháng x10 tháng = 30.710.000 đồng.

Tổng cộng, anh S yêu cầu bà T1, ông Q trả số tiền 840.210.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay theo biên nhận mượn tiền nên quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào quy địnhtại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

[2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ 2 nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Thủy, ông Quân.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Q và bà T1 phải trả tiền lãi đối với số tiền 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 1.66% tính từ ngày 01/4/2021 đến 01/5/2021, nay chỉ yêu cầu tính từ ngày 02/5/2021 đến ngày 02/8/2022. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng mượn tiền đề ngày 01 tháng 04 năm 2021, thì giữa anh Nguyễn Hoàng S và ông Nguyễn Tấn Q có phát sinh quan hệ vay mượn tiền, mục đích để vợ chồng ông Q mua đất và kinh doanh, ông Q có ký tên xác nhận đã mượn tổng số tiền 685.000.000 đồng vào ngày 01/5/2021 và ngày 01/10/2021. Trong hợp đồng mượn tiền, các bên thỏa thuận thời gian trả nợ là 06 tháng từ ngày 01/4/2021 đến 01/10/2021 và thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi vào hợp đồng với mức lãi suất là 2%/ tháng và sẽ giao trả tiền lãi 01 lần vào ngày trả vốn gốc. Tuy nhiên đến ngày 01/5/2021 ông Q mới nhận số tiền 500.000.000 đồng nên thời hạn vay mượn được các bên thống nhất kéo dài ra 01 tháng nữa, tức đến ngày 01/11/2021 ông Q sẽ trả hết tổng số vốn lãi cho anh S, nhưng đến nay qua nhiều lần nhắc nhở ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên mà cố tình lẫn tránh, nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của anh S. Do đó, nay anh S khởi kiện, yêu cầu ông Q phải trả số tiền vốn gốc là 685.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

[5] Về nghĩa vụ liên đới: Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy hợp đồng mượn tiền ngày 01/4/2021 không thể hiện chữ ký của bà T1, nhưng ông Q và bà T1 là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 270 ngày 10 tháng 12 năm 2003 tại UBND xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang, và cùng chung sống vào thời điểm giao dịch vay mượn tiền do đó phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, phía nguyên đơn còn cung cấp đoạn ghi âm thể hiện nội dung bà T1 có biết việc ông Q mượn tiền của anh S và đồng ý trả phần vốn gốc, nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông Q và bà T1 phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh S số nợ trên theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[6] Về yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trong hợp đồng mượn tiền các bên không thể hiện mức lãi suất phải trả nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày quá trình vay mượn, các bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 2%/ tháng, các bên thống nhất trả vốn lãi vào tháng 11/2021 nhưng ông Q không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn yêu cầu bà T1 và ông Q phải trả lãi với mức lãi suất là 1.66%/tháng, tính từ ngày ông Q nhận tiền từ anh S đến ngày xét xử với tổng số tiền 155.210.000 đồng là hoàn toàn cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

cho ông Q, bà T1 nhưng ông Q, bà T1 không đến tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa hôm nay và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Tấn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 244, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình**,**

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng S.

Buộc bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Tấn Q phải trả cho anh Nguyễn Hoàng S số tiền 840.210.000(Tám trăm bốn mươi triệu hai trăm mười ngàn) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Q và bà T1 phải trả tiền lãi đối với số tiền 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 1.66% tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 01/5/2021.

3.Về án phí:

Bà Lê Thị Thu T1 và ông Nguyễn Tấn Q phải nộp 42.010.500 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm mười ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Hoàng S số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai số 0022189 ngày 05/5/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân TP Mỹ Tho.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.